

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÀM YÊN
TỈNH TUYÊN QUANG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 263/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 12/9/2023

“V/v: Tranh chấp hôn nhân gia đình”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÀM YÊN, TỈNH TUYÊN QUANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Tùng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Ma Thị Như Trang.

2. Bà Đàm Thị Kim Duyên.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Thu Hương - Thư ký Toà án nhân dân huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa: Bà Vũ Phương Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 12/9/2023 tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai theo hình thức số hóa vụ án dân sự thụ lý số 128/2023/TLST-HNGĐ ngày 05/6/2023 về việc “Tranh chấp hôn nhân và gia đình”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 44/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 07/8/2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 33/2023/QĐST-HNGĐ ngày 24/8/2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trần Thị V, sinh năm 1982.

- Bị đơn: Anh Trần Văn C, sinh năm 1976.

Cùng nơi cư trú: Thôn H, xã B, huyện H, tỉnh Tuyên Quang.

(Chị V vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; Anh C đã được Tòa án triệu tập, niêm yết các văn bản tố tụng hợp lệ nhiều lần nhưng tại phiên tòa vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo nội dung đơn khởi kiện và bản tự khai, nguyên đơn chị Trần Thị V trình bày:**

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Trần Văn C được tự do tìm hiểu và đăng ký kết hôn với nhau vào ngày 09/12/2002 tại UBND xã Bằng Cốc, huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang, việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc và được hai bên gia đình tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán của địa phương. Tình cảm vợ chồng trong thời gian đầu chung sống hạnh phúc đến cuối năm 2022 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn của vợ chồng là do tính tình vợ chồng không hợp nhau, luôn bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không thống nhất trong làm ăn phát triển kinh tế gia đình dẫn đến thường xuyên cãi chửi nhau. Chị xác định không còn tình cảm

với anh C, mâu thuẫn vợ chồng giữa chị với anh C đã quá căng thẳng, trầm trọng, không thể đoàn tụ xây dựng hạnh phúc gia đình. Chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Trần Văn C theo quy định pháp luật.

- Về con chung: Chị và anh Trần Văn C có 02 người con chung là cháu Trần Văn T, sinh ngày 15/5/2001 và cháu Trần Văn C, sinh ngày 03/01/2003. Hiện nay các con chung của chị đều đã trưởng thành trên 18 tuổi, sức khỏe phát triển bình thường nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết khi ly hôn.

- Về tài sản chung: Chị và anh Trần Văn C có một số tài sản chung nhưng tự thỏa thuận, tự chia không đề nghị Tòa án giải quyết khi ly hôn.

- Về công nợ chung: Chị và anh Trần Văn C không vay nợ ai, không cho ai vay nợ, không đề nghị Tòa án giải quyết khi ly hôn.

Chị Trần Thị V xác định anh Trần Văn C đã biết và được chị trực tiếp thông báo về việc chị gửi đơn đến Tòa án nhân dân huyện Hàm Yên để giải quyết việc ly hôn giữa chị với anh C, nhưng anh C cố tình trốn tránh nghĩa vụ không đến Tòa án làm việc.

Tại phiên tòa, chị Trần Thị V vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Tại đơn đề nghị xét xử vắng mặt, chị V giữ nguyên ý kiến đã trình bày nêu trên, không thay đổi, bổ sung thêm nội dung gì khác.

*** Đối với bị đơn anh Trần Văn C:**

Quá trình thụ lý và giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Hàm Yên đã gửi Thông báo thụ lý vụ án số 128/2023/TLST-HNGĐ ngày 05/6/2023; Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 44/2023/QĐXXST-HNGĐ, ngày 07/8/2023 và các văn bản tố tụng khác cho anh Trần Văn C biết, báo gọi anh C nhiều lần đến Tòa án giải quyết vụ án nhưng anh C không trực tiếp đến Tòa án làm việc. Tòa án đã phối hợp với đại diện thôn H, xã B trực tiếp đến nơi cư trú, nơi đăng ký hộ khẩu thường trú của anh C để lấy lời khai và làm việc nhưng anh C không có mặt tại gia đình. Tòa án đã tiến hành làm việc với đại diện chính quyền địa phương (thôn H, xã B) và ông Trần Văn B (là anh trai ruột và sống sát nhà anh C) để trực tiếp thông báo về việc chị Trần Thị V gửi đơn đến Tòa án nhân dân huyện Hàm Yên để giải quyết việc ly hôn giữa chị V với anh C, nhưng anh C cố tình trốn tránh nghĩa vụ không đến Tòa án làm việc. Như vậy người bị khởi kiện là anh Trần Văn C đã cố tình trốn tránh nghĩa vụ nên Tòa án tiến hành thụ lý và giải quyết vụ án theo thủ tục chung theo quy định tại điểm e khoản 1 Điều 192 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tòa án xác minh tại địa phương thôn H, xã B và Công an xã Bằng Cốc, huyện Hàm Yên được cung cấp: Hiện nay chị Trần Thị V và anh Trần Văn C là công dân đăng ký hộ khẩu thường trú và cư trú tại thôn H, xã B, huyện H, tỉnh Tuyên Quang. Chị V và anh C được tự do tìm hiểu và đăng ký kết hôn với nhau vào ngày 09/12/2002 tại UBND xã Bằng Cốc, huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang, việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc và được hai bên gia đình tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán của địa phương. Tình cảm vợ chồng trong thời gian đầu chung sống hạnh phúc bình thường, đến khoảng cuối năm 2022 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn của vợ chồng là do tính tình vợ chồng không hợp nhau, luôn bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không thống nhất trong làm ăn phát triển kinh tế gia đình dẫn đến thường xuyên cãi chửi nhau. Anh C vẫn thường xuyên sinh sống, làm việc tại thôn

H, xã B. Đồng thời đại diện thôn H, xã B cũng xác định: Địa phương đã nhận được Thông báo thụ lý vụ án số 128/2023/TLST- HNGĐ ngày 05/6/2023 của Tòa án về việc giải quyết ly hôn giữa chị V và anh C, do Tòa án nhân dân huyện Hàm Yên gửi nhờ địa phương giao, tổng đạt trực tiếp cho anh C biết nội dung. Tuy nhiên anh C vẫn thường xuyên ở địa phương nhưng ban ngày hay đi làm không có mặt ở nhà vì vậy địa phương đã tiến hành niêm yết Thông báo thụ lý vụ án số 128/2023/TLST- HNGĐ ngày 05/6/2023 và các văn bản tố tụng khác của Tòa án theo quy định pháp luật. Nay chị V làm đơn xin ly hôn với anh C, quan điểm của địa phương là đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Về tài liệu, chứng cứ: Các đương sự cung cấp cho Tòa án các tài liệu, chứng cứ gồm:

- Nguyên đơn chị Trần Thị V cung cấp: Đơn khởi kiện; 01 Giấy trích lục kết hôn (bản sao); 01 Căn cước công dân mang tên Trần Thị V (bản sao chứng thực); 02 Giấy khai sinh mang tên Trần Văn T và Trần Văn C (bản sao chứng thực); 01 xác nhận thông tin cư trú của Công an xã Bằng Cốc (bản chính);

- Bị đơn anh Trần Văn C cung cấp: Không có.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Hàm Yên đã tổng đạt hợp lệ giấy triệu tập và các văn bản tố tụng khác, thông báo anh Trần Văn C đến Tòa án làm việc để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp C, công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định pháp luật. Tuy nhiên các lần thông báo của Tòa án anh C đều không đến làm việc nên Tòa án không tiến hành hòa giải được cho các bên đương sự suy nghĩ lại tình cảm để quay về hàn gắn, đoàn tụ xây dựng hạnh phúc gia đình. Vì vậy Tòa án ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử theo quy định chung của pháp luật.

** Quan điểm của đại diện V kiểm sát:*

- *Về tố tụng:* Đại diện V kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án đều đảm bảo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự;

- *Về việc chấp hành pháp luật của các đương sự:* Nguyên đơn chị Trần Thị V chấp hành các quy định pháp luật tốt; Bị đơn anh Trần Văn C đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng nhiều lần nhưng đều vắng mặt không đến Tòa án làm việc nên Tòa án đã tiến hành niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh C theo quy định pháp luật. Vì vậy có thể xác định anh Trần Văn C đã cố tình trốn tránh nghĩa vụ của mình, nên vụ án được giải quyết theo thủ tục chung.

- *Về việc giải quyết vụ án:* Đại diện V kiểm sát đề nghị HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 28, Điều 39, Điều 147, điểm e khoản 1 Điều 192; các Điều 227, 228, 235, 238, 266, 267, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Trần Thị V.

- Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Trần Thị V được ly hôn với anh Trần Văn C.

- Về án phí: Chị Trần Thị V phải chịu tiền án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật; Anh Trần Văn C không phải chịu tiền án phí.

Ngoài ra, đại diện Viện kiểm sát còn đề nghị Hội đồng xét xử tuyên quyền kháng cáo bản án của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng:

- Về thẩm quyền: Chị Trần Thị V có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn với anh Trần Văn C nên xác định đây là vụ án “Tranh chấp về hôn nhân và gia đình” theo quy định tại Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự; Theo thông tin chị V cung cấp và Tòa án xác minh thì hiện nay bị đơn anh Trần Văn C là công dân đăng ký hộ khẩu thường trú và cư trú tại thôn H, xã B, huyện H, tỉnh Tuyên Quang nên vụ án này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang theo quy định tại khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về việc vắng mặt của bị đơn anh Trần Văn C tại phiên tòa: Qua xác minh tại địa phương nơi anh C cư trú, gia đình anh C và chính quyền địa phương cung cấp: Anh Trần Văn C thường xuyên sinh sống tại địa phương, tuy nhiên anh C thường đi làm ban ngày vắng nhà. Trước khi chị V nộp đơn ly hôn lên Tòa án thì chị V đã thông báo cho anh C biết việc chị sẽ làm đơn ly hôn với anh C gửi Tòa án giải quyết, anh C biết nhưng nói không đến Tòa án làm việc. Vì vậy Tòa án đã tiến hành các thủ tục theo quy định pháp luật về thụ lý vụ án, mở phiên họp công khai chứng cứ, xét xử thông qua chị Trần Thị V (vợ anh C) và tại địa phương. Như vậy người bị kiện là anh Trần Văn C đã cố tình trốn tránh nghĩa vụ nên Tòa án tiến hành thụ lý và giải quyết vụ án theo thủ tục chung quy định tại điểm e khoản 1 Điều 192 Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt anh Trần Văn C theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị V và anh Trần Văn C được tự do tìm hiểu và đăng ký kết hôn với nhau vào ngày 09/12/2002 tại UBND xã Bằng Cốc, huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang, việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc và được hai bên gia đình tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán của địa phương. Như vậy, quan hệ hôn nhân của chị V và anh C là hợp pháp.

Quá trình chung sống giữa chị V và anh C hạnh phúc đến cuối năm 2022 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn của vợ chồng là do vợ chồng không hợp tính nhau, luôn bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không thống nhất trong làm ăn phát triển kinh tế gia đình dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi chửi nhau, không tin tưởng nhau. Chị V xác định không còn tình cảm với anh C, mâu thuẫn vợ chồng giữa chị V với anh C đã quá căng thẳng, trầm trọng, không thể đoàn tụ xây dựng hạnh phúc gia đình. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị V và anh C đã quá căng thẳng, trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng không thể đoàn tụ xây dựng hạnh phúc gia đình. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu của chị Trần Thị V và xử cho chị V được ly hôn với anh Trần Văn C theo quy định của pháp luật.

[3] Về con chung: Chị Trần Thị V xác định chị và anh Trần Văn C có 02 con chung là cháu Trần Văn T, sinh ngày 15/5/2001 và cháu Trần Văn C, sinh ngày

03/01/2003. Hiện nay các con chung của chị và anh C đều đã trưởng thành trên 18 tuổi, sức khỏe phát triển bình thường, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét, giải quyết..

[4] Về tài sản chung, đất đai chung: Chị Trần Thị V xác định vợ chồng có một số tài sản chung nhưng tự thỏa thuận, tự chia không đề nghị Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét, giải quyết.

[5] Về công nợ chung: Chị Trần Thị V xác định vợ chồng không vay nợ ai, không cho ai vay nợ, không đề nghị Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[6] Về án phí: Chị Trần Thị V phải chịu toàn bộ tiền án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định; Anh Trần Văn C không phải chịu tiền án phí.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28, Điều 39, Điều 147, điểm e khoản 1 Điều 192; các Điều 227, 228, 235, 238, 266, 267, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Trần Thị V.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Trần Thị V được ly hôn với anh Trần Văn C.

2. Về án phí:

+ Chị Trần Thị V phải nộp 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006599, ngày 05 tháng 6 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang. Ghi nhận chị Trần Thị V đã nộp đủ tiền án phí.

+ Anh Trần Văn C không phải nộp án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Chị Trần Thị V và anh Trần Văn C được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND huyện Hàm Yên;
- Chi cục THADS huyện Hàm Yên;
- UBND xã Bằng Cốc (Nơi ĐKKH);
- Các đương sự;
- Lưu.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Đức Tùng

